

Số: 1041/2023/QĐST-HNGĐ

Ngày: 27-6-2023

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v: Công nhận thuận tình ly hôn

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên họp: Bà Lưu Thị Thủy Tiên.

Thư ký phiên họp: Bà Phạm Nguyễn Ngọc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp: Bà Đào Thị Xuân Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 94/2023/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 03 năm 2023 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn” theo Quyết định mở phiên họp số 2521/2023/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2023, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự sơ thẩm:

1. Ông SW

Địa chỉ: đường 11, phường B, C, Thành phố Hồ Chí Minh (Có đơn xin vắng mặt).

2. Bà Bùi Thụy Thiết A, sinh năm 1980.

Địa chỉ: USA. (Có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Tại đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn ngày 11 tháng 01 năm 2023, ông SW và bà Bùi Thụy Thiết A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông SW và bà Bùi Thụy Thiết A tự nguyện đăng ký kết hôn năm 2012 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 268, quyền số 02/2012 do Ủy ban nhân dân tỉnh T cấp.

Sau khi kết hôn, thời gian đầu hạnh phúc về sau thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm lối sống, khoảng cách về địa lý nên ông SW và bà Bùi Thụy Thiết A không sống chung với nhau.

Hiện nay, bà Bùi Thụy Thiết A đang cư trú và làm việc tại Hoa Kỳ, ông SW đã chuyển về Việt Nam sinh sống và làm việc từ những năm 2017. Ông SW và bà Bùi Thụy Thiết A thỉnh thoảng vẫn có liên lạc để cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng vẫn không có kết quả, mâu thuẫn không giải quyết được. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, cuộc sống hôn nhân không

đạt được nên ông SW và bà Bùi Thụy Thiết A yêu cầu Tòa án công nhận cho ông SW và bà Bùi Thụy Thiết A thuận tình ly hôn.

Về con chung: Ông SW và bà Bùi Thụy Thiết A khai không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Ông SW và bà Bùi Thụy Thiết A có đơn yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết vắng mặt.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến đề nghị: Từ khi thụ lý cho đến trước khi mở phiên họp, Thẩm phán đã thực hiện đúng các trình tự thủ tục pháp luật tố tụng dân sự; về nội dung đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của ông SW và bà Bùi Thụy Thiết A về việc thuận tình ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Ông SW và bà Bùi Thụy Thiết A có đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn đây là yêu cầu của đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; ông SW hiện đang cư trú tại Việt Nam, bà Bùi Thụy Thiết A hiện đang cư trú tại nước ngoài nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 2 Điều 38, điểm h khoản 2 Điều 39, Điều 396 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét sự vắng mặt tại phiên họp của người yêu cầu ông SW và bà Bùi Thụy Thiết A :

Ông SW và bà Bùi Thụy Thiết A có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Xét thấy trong hồ sơ ông SW và bà Bùi Thụy Thiết A đã cung cấp lời khai, yêu cầu Tòa án giải quyết, nếu ông SW và bà Bùi Thụy Thiết A có mặt thì Tòa án tiến hành lập biên bản ghi nhận thuận tình ly hôn giữa hai đương sự theo quy định tại Điều 212 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên hai đương sự đã có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt; do đó, căn cứ khoản 2 Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Tòa án tiến hành mở phiên họp xét yêu cầu của ông SW và bà Bùi Thụy Thiết A .

[3] Xét nội dung vụ việc và yêu cầu của ông SW và bà Bùi Thụy Thiết A , xét thấy:

Về quan hệ hôn nhân: Ông SW và bà Bùi Thụy Thiết A kết hôn năm 2012 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 268, quyển số 02/2012 ngày 10/12/2012 do Ủy ban nhân dân tỉnh T cấp, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa ông SW và bà Bùi Thụy Thiết A là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Sau khi kết hôn, thời gian đầu hạnh phúc về sau thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm lối sống, khoảng cách về địa lý nên ông SW và bà Bùi Thụy Thiết A không sống chung với nhau. Hiện nay, bà Bùi Thụy Thiết A đang cư trú và làm việc tại Hoa Kỳ, ông SW đã chuyển về Việt Nam sinh sống và làm việc từ những năm 2017. Ông SW và bà Bùi Thụy Thiết A thỉnh thoảng vẫn có liên lạc để cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng vẫn không có kết quả, mâu thuẫn không giải quyết được. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, cuộc sống hôn nhân không đạt được nên ông SW và bà Bùi Thụy Thiết A yêu cầu Tòa án công nhận cho ông SW và bà Bùi Thụy Thiết A thuận tình ly hôn. Xét thấy, tại thời điểm yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, ông SW và bà Bùi Thụy Thiết A tự nguyện thỏa thuận chấm dứt cuộc sống hôn nhân, khả năng đoàn tụ không có; sự tự nguyện thỏa thuận này của các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội; không có tài liệu chứng cứ chứng minh yêu cầu này của các đương sự vì mục đích nào khác. Do đó, có cơ sở chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn giữa ông SW và bà Bùi Thụy Thiết A theo quy định tại Điều 19 và Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về con chung: Ông SW và bà Bùi Thụy Thiết A không có con chung nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Xét thấy, sự thỏa thuận tự nguyện này của ông SW và bà Bùi Thụy Thiết A là phù hợp với quy định pháp luật. Do đó, ghi nhận sự thỏa thuận này của ông SW và bà Bùi Thụy Thiết A .

Về tài sản chung, nợ chung: Ông SW và bà Bùi Thụy Thiết A xác định không có nên không xem xét, giải quyết.

Từ những nhận định nêu trên, xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông SW và bà Bùi Thụy Thiết A .

Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên họp như nhận định nêu trên là có cơ sở nên chấp nhận.

Về lệ phí: Ông SW và bà Bùi Thụy Thiết A phải chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự theo quy định tại Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Điều 6 Luật phí và lệ phí năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 2 Điều 38, điểm h khoản 2 Điều 39, khoản 1 Điều 372, Điều 396, điểm a khoản 5 Điều 477, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng vào các Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 121 và Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 6 Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông SW và bà Bùi Thụy Thiết A yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, cụ thể:

Về quan hệ hôn nhân: Ông SW và bà Bùi Thụy Thiết A thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 268 ngày 10/12/2012 do Ủy ban nhân dân tỉnh T cấp cho ông SW và bà Bùi Thụy Thiết A không còn giá trị pháp lý kể từ ngày Bản án, Quyết định ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

2. Lệ phí giải quyết việc dân sự: 300.000 đồng (ba trăm nghìn) ông SW và bà Bùi Thụy Thiết A phải chịu, được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo Biên lai thu số 0004365 ngày 23/03/2023 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TPHCM;
- VKSND.TPHCM;
- Cục THADS.TPHCM;
- UBND tỉnh T;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VT. (Linh/14b)

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Lưu Thị Thủy Tiên